TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **37**/2023/DSST
Ngày: 31/07/2023
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH

N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Ông Quách Mạnh Thành;***

Các Hội thẩm nhân dân: ***1. Ông Nguyễn Sơn Hóa***

2. Bà Trần Thị Kim Dung

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ***Ông Nguyễn Ngọc Quang*** - cán bộ Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Hải Yến*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2023/TLST - DS ngày 07/04/2023 về việc: "Đòi tài sản". Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử sơ thẩm số 27/QĐXX-ST ngày 27-06-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐ-DS ngày 14 tháng 07 năm 2023 giữa các đ- ơng sự:

*** Nguyên đơn*: Bà Hà Thị L - sinh năm 1973;***

HKTT: Tổ dân phố X, phường PSP, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai;

Trú tại: Phòng XX, Tòa tháp A, số 1XX XT, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội;

Đại diện ủy quyền: Bà Hoàng Thị VA (Theo giấy ủy quyền số 2169 ngày 14/6/2022 và quyết định phân công số 2807 của Văn phòng Luật sư BM).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Minh T- Luật sư văn phòng luật sư BM - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** ***Anh Lê Văn T1 - sinh năm 1996;***

HKTT và nơi cư trú: Số Y đường GB, phường Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Hoàng Trọng P - sinh năm 1963;

HKTT: Tổ dân phố A, phường MT, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai;

Trú tại: Phòng XY, Tòa tháp A, số 1XX XT, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội;

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị ML (Theo giấy ủy quyền ngày 27/7/2023 và quyết định phân công số 2807B của Văn phòng Luật sư BM).

(*Có mặt nguyên đơn là bà Hà Thị L,đại diện ủy quyền bà L là bà Hoàng Thị VA , đại diện ủy quyền của ông P là bà Nguyễn Thị ML , Vắng mặt bị đơn là anh Lê Văn T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Trọng P).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn là bà Hà Thị L trình bày :

Do quen biết nhau từ trước, vào khoảng đầu tháng 4/2019 Lê Văn T1 có gọi điện cho bà Hà Thị L nhờ vay hộ tiền. Lý do là Lê Thị H (là vợ của T1) khi đó đang làm việc tại Cộng hòa Liên Bang Đức đang có rất nhiều tiền về nước làm ăn và hợp thức hóa gia đình, nhờ bà L tìm hộ Khách sạn ở Lào Cai, Yên Bái để khi H mang tiền về mua, sẽ cho bà L cùng kinh doanh. Sau đó, T1 lại tiếp tục gọi điện cho bà L nói trước đây H có gửi tiền về và nhưng T1 mua hết đất. Giờ T1 không muốn nói thật vì sợ H biết thì tình cảm gia đình bị sứt mẻ và H không về nữa, đồng thời T1 nhờ bà L vay hộ tiền để T1 làm tin cho H về. T1 bảo bà L chỉ vay trong khoản 20 ngày khi H về T1 sẽ trả ngày tiền cho Bà L. Do tin tưởng T1, từ ngày 08/4/2019 đến 27/5/2019, bà L đã chuyển tiền cho T1 vay 08 (tám) lần, 03 giấy ủy nhiệm chi chuyển tiền, 05 giấy nộp tiền mặt, tổng số tiền là 17.001.782.000 đồng *(Bằng chữ: Mười bảy tỷ, không trăm linh một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng)*. Hình thức chuyển tiền: Chuyển khoản đến tài khoản cá nhân của T1 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Mỹ Đình Hà Nội, số tài khoản:

2601100XXXX32X7. Nội dung chuyển tiền: Cô L Yên Bái chuyển tiền cho cháu T1 vay.

* Yêu cầu của Nguyên đơn:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà L về việc tranh chấp đòi tài sản đối với người bị kiện là anh Lê Văn T1.

2. Đề nghị Tòa án quận Hoàng Mai tuyên anh Lê Văn T1 trả lại toàn bộ số tiền là: 17.001.782.000 đồng *(Bằng chữ: Mười bảy tỷ, không trăm linh một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng)* cho Bà L.

3. Buộc ông Lê Văn T1 bồi thường cho bà L tiền lãi trên tổng số tiền đã vay, áp dụng theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố, kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 27/5/2019, tạm tính đến ngày 10/4/2022 là: 3.246.175.856 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng*).

Do vậy, ông T1 phải trả số tiền là: **20.247.957.856 đồng** *(Bằng chữ:* H*ai mươi tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng*). Trong đó: Nợ gốc là: 17.001.782.000 đồng, nợ lãi: 3.246.175.856 đồng cho Bà L.

* ***Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng tại Tòa án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Trọng P trình bày*:** Năm 2015, Tôi là chồng của bà Hà Thị L. Chúng tôi có quên biết Lê Văn T1 làm nghề hát văn, địa chỉ tại Xóm W, xã NT, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa và vợ T1 là Lê Thị H khi đó đang làm việc tại Cộng hòa Liên Bang Đức. Tháng 4/2019, T1 kể với bà L trước đó 02 năm (2017), H có gửi về Việt Nam 20 tỷ để làm ăn chung với một người bạn ở Việt Nam nhưng bị bạn lừa hết tiền. Đồng thời, T1 nói đang có nhu cầu vay tiền để giải quyết công việc cá nhân nên có hỏi vay bà L một số tiền lớn. Do tin tưởng H và T1, từ ngày 08/4/2019 đến 27/5/2019, bà L đã chuyển tiền cho T1 vay 08 (tám) lần, tổng số tiền là 17.001.782.000 đồng *(Bằng chữ: Mười bảy tỷ, không trăm linh một triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng).* Hình thức chuyển tiền: Chuyển khoản đến tài khoản cá nhân của T1 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Mỹ Đình Hà Nội, số tài khoản: 2601100XXXX32X7.

Buộc anh Lê Văn T1 trả lại toàn bộ số tiền là: 17.001.782.000 đồng *(Bằng chữ: mười bảy tỷ, không trăm linh một triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng*) cho vợ chồng ông P .

Buộc ông Lê Văn T1 bồi thường cho vợ chồng ông P tiền lãi trên tổng số tiền đã vay, áp dụng theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố, kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 27/5/2019, tạm tính đến ngày 10/4/2022 là: 3.246.175.856 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng*)

Do vậy, ông T1 phải trả số tiền là: **20.247.957.856 đồng** (Bằng chữ: H*ai mươi tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng*). Trong đó: Nợ gốc là: 17.001.782.000 đồng, nợ lãi: 3.246.175.856 đồng cho vợ chồng ông P .

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà Hà Thị L có thay đổi lời khai, bổ sung yêu cầu khởi kiện. Cụ thể như sau: Năm 2015, Quan hệ giữa bà và Lê Anh T1 là thông qua làm lễ tâm linh tại nhà ông Hà Vĩnh H2 là bí thư tỉnh ủy tỉnh Yên Bái. Khi đó người làm lễ là ông Lê Văn Đ, Lê Văn T1 (cháu ông Đ). Ngoài ra, thông qua chị H3 làm tại công an Tỉnh Yên Bái nên T1 có qua lại với nhà vợ chồng ông P , bà L như người thân quen trong gia đình, tháng 4 /2019 T1 có gọi điện cho bà L nhờ vay hộ 5 tỉ để giải quyết công việc cá nhân và hứa trong vòng 20 ngày sẽ trả. Bà L đã vay hộ T1 tiền và thỏa thuận với T1 với lãi suất 1,5%/1 ngày và T1 đồng ý. Do vậy, Từ ngày 08/4/2019 đến ngày 07/05/2019 bà L đã chuyển tiền cho T1 05 lần (04 giấy nộp tiền mặt, 01 ủy nhiệm chi) vào số tài khoản của T1 mở tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Mỹ Đình, Hà Nội, số tài khoản: 2601100XXXX32X7. Sau đó, T1 bảo vẫn chưa đủ nên T1 gọi điện bảo bà L cho vay thêm 12 tỉ đồng để lo công việc cá nhân và bà L đồng ý . Từ ngày 10/5/2022 đến ngày 27/05/2023 này bà L đã chuyển thêm 03 lần (01 giấy nộp tiền mặt, 02 ủy nhiệm chi) cho T1 cũng vào số tài khoản mở tại ngân hàng trên. Tổng số tiền bà L cho T1 vay là 17.001.782.000 đồng. Đến ngày hẹn trả tiền, bà L đến nhà T1 tại địa chỉ: Số AA đường GB, phường Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội để đòi nợ nhưng T1 lẩn tránh, không thừa nhận số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa bà L có bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện là đòi tiền phí của các lần chuyển tiền tại ngân hàng. Cụ thể các lần chuyển tiền như sau:

* Lần 1: Giấy nộp tiền mặt số: 0082 ngày 08/04/2019, nội dung chuyển tiền: Cô L Yên Bái CT cho cháu T1 vay, số tiền 500.220.000 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

* Lần 2: Ủy nhiệm chi 310, ngày 16/04/2019, nội dung chuyển tiền: Cô L Yên Bái CT cho cháu T1 vay, số tiền là: 1.450.000.000 đồng, phí: 478.500đ. Tổng: 1.450.478.500 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, lăm trăm đồng*).

* Lần 3: Giấy nộp tiền mặt số 0100, ngày 03/05/2019, nội dung chuyển tiền: Cô L Yên Bái CT cho cháu T1 vay, số tiền là 1.100.484.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng).*

* Lần 4: Giấy nộp tiền mặt số 0196 ngày 03/05/2019, nội dung chuyển tiền: Cô L Yên Bái CT cho cháu T1 vay,số tiền là 1.000.440.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, không trăm linh không triệu, bốn trăm bốn mươi đồng)*.

* Lần 5: Giấy nộp tiền mặt số 0120 ngày 07/05/2019: nội dung chuyển tiền: Cô L Yên Bái CT cho cháu T1 vay , số tiền là 1.000.440.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, không trăm linh không triệu, bốn trăm bốn mươi đồng)*.

* Lần 6: Ủy nhiệm chi số 0139 ngày 10/05/2019, nội dung chuyển tiền: Cô L Yên Bái CT cho cháu T1 vay , số tiền là 7.000.000.000 đồng, phí 1.430.000 đồng. Tổng: 7.001.430.000đ *(Bằng chữ: Bảy tỷ, không trăm linh một triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng)*.

* Lần 7: Giấy nộp tiền mặt số 0149, ngày 16/05/2019, nội dung chuyển tiền: Cô L Yên Bái CT cho cháu T1 vay, số tiền là 450.198.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu, một trăm chín mươi tám nghìn đồng)*.

* Lần 8: Ủy nhiệm chi số 0249 ngày 27/05/2019, nội dung chuyển tiền: Cô L Yên Bái CT cho cháu T1 vay, số tiền là 4.500.000.000 đồng, phí 946.123 đồng. Tổng 4.500.946.123 đồng *(Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi ba đồng)*.

Do vậy ,tổng 08 lần chuyển tiền của bà L cho T1 vay là 17.004.636.623 đồng *(Bằng chữ: Mười bảy tỷ, không trăm linh bốn triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng).*

Tại phiên tòa,

* Yêu cầu của Nguyên đơn:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà L về việc tranh chấp đòi tài sản đối với người bị kiện là anh Lê Văn T1.

2. Đề nghị Tòa án quận Hoàng Mai tuyên anh Lê Văn T1 trả lại toàn bộ số tiền là: 17.001.782.000đồng *(Bằng chữ: Mười bảy tỷ, không trăm linh một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng*) cho Bà L.

3. Buộc ông Lê Văn T1 bồi thường cho bà L tiền lãi trên tổng số tiền đã vay, áp dụng theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố, kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 27/5/2019, tạm tính đến ngày 31/7/2023 (1525 ngày) theo quy định tại khoản 1, khoản 4 điều 466, khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: 7.104.676.945 đồng.

Đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Mai buộc ông Lê Văn T1 phải trả cho bà L tổng cả gốc và lãi là: Tiền gốc: 17.004.636.623 đồng, tiền lãi: 7.104.676.945 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 24.109.313.568 đồng.

Đại diện ủy quyền của bà L là bà Hoàng Thị VA– cán bộ văn phòng – Văn phòng luật sư BM tại phiên tòa cũng nhất trí lời khai của bà Hà Thị L tại phiên tòa ngày hôm nay.

Đại diện ủy quyền của ông P là bà Nguyễn Thị ML – cán bộ văn phòng – Văn phòng luật sư BM cũng nhất trí lời khai của bà Hà Thị L tại phiên tòa ngày hôm nay.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà Thị L là: Ông Phan Minh T trình bày:

- Thỏa thuận cho vay giữa bà Hà Thị L với ông Lê Văn T1 là có thật, phù hợp với quy định của pháp luật, được pháp luật thừa nhận và bảo hộ, cần được tòa án chấp nhận.

+ 03 giấy Ủy nhiệm chi tiền của bà Hà Thị L, số TK: 3711.YYYY.502.8YY mở tại Ngân hàng BIDV-CN Yên Bái vào số tài khoản của Lê Văn T1: 2601100XXXX32X7 Mở tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV-CN Mỹ Đình Hà Nội.

+ 05 Giấy nộp tiền trực tiếp từ bà L vào TK của Lê Văn T1 2601100XXXX32X7 Mở tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV-CN Mỹ Đình Hà Nội.

Với tổng số tiền là 17.004.636.623 đồng.

- Yêu cầu của bà Hà Thị L buộc ông Lê Văn T1 trả lãi và bồi thường thiệt hại 10% /1 năm là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận (phù hợp với quy định tại: Khoản 1, khoản 4 điều 466, khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự năm

2015). Do vậy, kiến nghị HĐXX áp dụng khoản 4 điều 466, khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên luật sư đề nghị HĐXX:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc ông Lê Văn T1 phải hoàn trả cho bà Hà Thị L số tiền: Tiền gốc: 17.004.636.623 đồng, tiền lãi: 7.104.676.945 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 24.109.313.568 đồng.

Trong qúa trình giải quyết vụ án, sau khi bị đơn Lê Văn T1 nhận được thông báo của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thì anh Lê Văn T1 đã có đơn đề nghị chuyển vụ án với lý do hiện anh Lê Anh T1 đang cư trú và làm việc tại: Thôn B, xã LT, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Do vậy Tòa án quận Hoàng Mai đã chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xác định anh T1 không có mặt tại địa chỉ nơi cư trú và làm việc, ngoài ra anh T1 lại có đơn đề nghị chuyển vụ án với lý do hiện anh T1 hiện không còn cư trú và làm việc tại địa chỉ: Thôn B, xã LT, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mà về thường trú tại: Số AA đường GB, phường Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội. Tòa án huyện Quảng Bình đã chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền.

Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lê Văn T1 nhưng anh T1 không có mặt tại địa chỉ nơi cư trú cuối cùng. Tòa án đã phải niêm yết, thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T1 nhưng anh T1 vẫn vắng mặt. Do đó anh T1 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tòa án đã yêu cầu anh T1 giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nhưng anh Lê Văn T1 không giao nộp, không có lời khai, cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ đối với anh Lê Văn T1 nhưng Tại phiên tòa hôm anh Lê Văn T1 vắng mặt, vắng mặt lần này là lần thứ hai. Do vậy tòa án nhân dân quận Hoàng Mai áp dụng điều 227, điều 228 bộ luật tố tụng dân sự 2015 vẫn tiến hành xét xử chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm có ý kiến: Do không xác định được quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn T1, bà Lê Thị H nên không có quan điểm về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1.Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án yêu cầu đòi tài sản của bà Hà Thị L với anh Lê Văn T1 là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bị đơn là anh Lê Văn T1 có địa chỉ tại: Số AA đường GB, phường Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

1.3. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn T1 Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo khoản 4, khoản 5 điều 177 bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng vẫn vắng mặt, qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết anh Lê Văn T1 thường xuyên đi vắng do vậy căn cứ vào điều 178 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng cuả Tòa án hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. *Quá trình thực hiện thỏa thuận dân sự như sau:* T1 có nhu cầu vay tiền để giải quyết công việc cá nhân nên có hỏi vay bà L một số tiền lớn. Bà L đã chuyển tiền cho Lê Văn T1 từ ngày 08/4/2019 đến 27/5/2019, bà L đã chuyển tiền. Thông qua 03 giấy Ủy nhiệm chi tiền của bà Hà Thị L, số TK: 3711.YYYY.502.8YY mở tại Ngân hàng BIDV-CN Yên Bái vào số tài khoản của Lê Văn T1: 2601100XXXX32X7 Mở tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV-CN Mỹ Đình Hà Nội, 05 Giấy nộp tiền trực tiếp từ bà L vào TK của Lê Văn T1 2601100XXXX32X7 Mở tại ngân

hàng đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV-CN Mỹ Đình Hà Nội. Với tổng số tiền là 17.004.636.623 đồng.

Bà L yêu cầu tòa án buộc anh Lê Văn T1 trả lại toàn bộ số tiền là: 17.004.636.623 đồng, tiền lãi: 7.104.676.945 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: ***24.109.313.568 đồng.***

2.1. Bà Hà Thị L yêu cầu anh Lê Văn T1 trả lại toàn bộ số tiền là: 17.004.636.623 đồng (Bằng chữ: Mười bảy tỷ, không trăm linh bốn triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Lê Văn T1 có nhu cầu vay tiền để giải quyết công việc cá nhân nên có hỏi vay bà L một số tiền lớn. Bà L đã chuyển tiền cho Lê Văn T1 từ ngày 08/4/2019 đến 27/5/2019, cụ thể là thông qua 03 giấy Ủy nhiệm chi tiền của bà Hà Thị L, số TK: 3711.YYYY.502.8YY mở tại Ngân hàng BIDV-CN Yên Bái vào số tài khoản của Lê Văn T1: 2601100XXXX32X7 Mở tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV-CN Mỹ Đình Hà Nội, 05 Giấy nộp tiền trực tiếp từ bà L vào TK của Lê Văn T1 2601100XXXX32X7 Mở tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV-CN Mỹ Đình Hà Nội với tổng số tiền 17.004.636.623 đồng (bao gồm cả phí gửi tiền), bản sao kê ngân hàng ngày 27/6/2019, biên bản xác minh ngày 04/8/2022 tại công an phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Thông báo vv không khởi tố vụ án hình sự số 385 ngày 30/9/2022 của công an tỉnh Yến Bái. Nhận thấy việc thỏa thuận cho vay giữa bà Hà Thị L với ông Lê Văn T1 là có thật, phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét tính hợp pháp giao dịch dân sự xác lập quan hệ cho vay tài sản giữa bà Hà Thị L, anh Lê Văn T1 có hiệu lực. Xét giao dịch được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia, mục đích giao kết đã không vi phạm đạo đức, điều cấm của Pháp luật. Thực tế là việc bà L đã chuyển đủ tiền cho anh T1 thông qua vào 03 giấy Ủy nhiệm chi tiền của bà Hà Thị L, số TK: 3711.YYYY.502.8YY mở tại Ngân hàng BIDV-CN Yên Bái vào số tài khoản của Lê Văn T1: 2601100XXXX32X7 Mở tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV-CN Mỹ Đình Hà Nội, 05 Giấy nộp tiền trực tiếp từ bà L vào TK của Lê Văn T1 2601100XXXX32X7 Mở tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV-CN Mỹ Đình Hà Nội, với nội dung chuyển tiền là *"Cô L Yên Bái chuyển tiền cho cháu T1 vay"* từ ngày 08/4/2019 đến 27/5/2019, bà L đã chuyển tiền cho T1 vay 08 (tám) lần, tổng số tiền là 17.004.636.623 đồng *(Bằng chữ: Mười bảy tỷ, không trăm linh bốn triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng)*.

Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cung cấp cho Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai. Tại phiên phòa xét xử, hội đồng xét xử xác định số tiền mà Lê Văn T1 vay của bà Hà Thị L với tư cách cá nhân không có người liên quan đến vụ án.

Do vậy, chị Hà Thị L yêu cầu anh Lê Văn T1 phải trả toàn bộ số tiền cụ thể là: 17.004.636.623 đồng *(Bằng chữ: Mười bảy tỷ, không trăm linh bốn triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng)* là có cơ sở nên được chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu của bà Hà Thị L buộc ông Lê Văn T1 trả lãi và bồi thường thiệt hại 10%/1 năm là: 7.104.676.945 đồng *(Bằng chữ: Bảy tỷ, một trăm linh bốn triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, chín trăm bốn mươi năm đồng*).

Hội đồng xét xử xết thấy như sau: Tại phiên tòa ngày hôm nay bà Hà Thị L khai báo là việc bà L do không có đủ tiền cho T1 vay nên cũng đi hỏi vay tiền của người quen và cũng có lãi suất. Cho nên khi bà L cho cho ông T1 vay cũng thỏa thuận mức lãi suất 1,5%/1 tháng. Trong hạn 20 ngày là anh T1 phải trả cả gốc và lãi cho Bà L. Xét thấy việc giao dịch dân sự giữa bà L và anh Lê Văn T1 có hiêu lực, khi hết hạn 20 ngày mà các bên thỏa thuận thì Lê Văn T1 phải có nghĩa vụ trả số tiền đã vay của Bà L. Khi bà L đòi tiền cho anh T1 vay nhưng anh T1 không chịu trả nên bà L ngoài đòi tiền gốc ra anh T1 còn phải chịu tiền lại suất do chậm trả tiền gốc là 10% /1 năm , kể từ ngày 27/5/2019 đến ngày xét xử. Xét việc bà L áp dụng lãi suất 10%/1 năm là theo đúng quy định tại: Khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do vậy việc bà Hà Thị L yêu cầu Lê Văn T1 phải trả lãi và bồi thường là 7.104.676.945 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của bà Hà Thị L được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí. theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bị đơn là anh Lê VănT1 phải chịu toàn bộ án phí án phí dân sự sơ thẩm .

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116; Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1, khoản 4 điều 466, khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L đối với anh Lê Văn T1.

2. Buộc anh Lê Văn T1 phải thanh toán cho chị Hà Thị L số tiền là: 17.004.636.623 đồng, tiền lãi: 7.104.676.945 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: ***24.109.313.568 đồng*** *(Bằng chữ: Hai mươi tư tỷ, một trăm linh chín triệu, ba trăm mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng)* và tiếp tục tính lãi đến ngày thanh toán hết nợ.

3. Về án phí: anh Lê Văn T1 phải chịu 132.109.314 đồng *(Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu, một trăm linh chín nghìn, ba trăm mười bốn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

Hoàn trả chị Hà Thị L số tiền tạm ứng án phí 80.000.000 đồng *(Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn)* mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2020/ 0050661 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của ng-ời đ-ợc thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà n-ớc Việt Nam quy định t-ơng ứng với thời gian ch-a thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn là bà Hà Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn là anh Lê Văn T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Trọng P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND Q.Hoàng Mai;*
- *TAND phố Hà Nội;*
- *Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Mạnh Thành